

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST

Ngày: 16-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Duy Huy

Ông Phạm Quang Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình- Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Trinh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN K- Sinh ngày 16 tháng 6 năm 1998 tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Hre; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: không xác định và bà Phạm Thị H; Vợ, con chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân P, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, là người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K, theo Quyết định số 06/QĐ-TGPL ngày 22/01/2018 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

- Người bị hại:

1. Anh Phạm Văn H- Sinh năm 1999 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Phạm Thị H- Sinh năm 1981; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (là mẹ ruột của anh H). (có mặt).

2. Anh Phạm Văn T- Sinh năm 1996; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

- *Bị đơn dân sự*: Ông Trần Đình Đ- Sinh năm 1954; Trú tại: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị H- Sinh năm 1962; Trú tại: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

- *Người phiên dịch*: Ông Phạm Văn L- Cán bộ Đài truyền thanh và phát lại truyền hình huyện Ba Tơ (phiên dịch tiếng Hre). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 16/10/2017, Phạm Văn K cùng Phạm Văn H, Phạm Văn X và Phạm Văn T tổ chức uống rượu tại nhà ông Phạm Văn T ở thôn N, xã B1, huyện B. Uống đến khoảng 12 giờ trưa cùng ngày, Phạm Văn H rủ Phạm Văn T và Phạm Văn K đi xã B2 để chơi game. Vì lúc này, xe mô tô của T hết xăng nên Phạm Văn H nói Phạm Văn K lấy xe mô tô BKS 76K1 – 083.23 của Phạm Văn K đi thì Phạm Văn K đồng ý. Sau đó, Phạm Văn H là người điều khiển xe mô tô BKS 76K1 – 083.23 chở Phạm Văn T ngồi giữa và Phạm Văn K ngồi sau. Khi đi gần hết đoạn đường bê tông thuộc thôn N, xã B1, huyện B thì Phạm Văn K thấy Phạm Văn H lái xe không vững nên đã giành điều khiển xe. Phạm Văn K chở Phạm Văn T ngồi giữa, Phạm Văn H ngồi sau đi theo hướng từ xã B1 về xã B2, đến đoạn km 51+400 QL24 thuộc thôn G, xã B2, huyện Ba Tơ, vì say rượu nên Phạm Văn K không làm chủ tay lái điều khiển xe chạy qua bên trái đường và tông vào mố thành cầu chắn bánh và hai trụ tiêu bên trái đường làm Phạm Văn H và Phạm Văn T rớt xuống xe, xe mô tô do Phạm Văn K điều khiển tiếp tục chạy một đoạn rồi ngã xuống tại vị trí tập kết tôn phô xi măng của cửa hàng vật liệu xây dựng Bệnh Viễn. Hậu quả, Phạm Văn H chết trên đường đi cấp cứu, Phạm Văn T bị thương nhẹ được đưa đi cấp cứu tại Phân xá khu tây thuộc thôn G, xã B2, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi tai nạn xảy ra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ đã tiến hành kiểm tra nồng độ cồn đối với Phạm Văn K, kết quả đo nồng độ cồn trong máu của Phạm Văn K là 0,453miligam/1lít khí thở.

Kết luận khám nghiệm tử thi số 1113/KLGD – PC54 ngày 19/10/2017 của Phòng PC54 Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Phạm Văn H tử vong do đa thương tích, đa chấn thương, chấn thương sọ não, rạn nứt xương hộp sọ, xuất huyết não dẫn đến chết.

* Về trách nhiệm dân sự: Theo thỏa thuận của hai bên, gia đình người bị hại Phạm Văn H yêu cầu Phạm Văn K có trách nhiệm bồi thường dân sự tổng cộng là 70.514.000 đồng (Bảy mươi triệu năm trăm mười bốn ngàn đồng), trong đó bao gồm chi phí mai táng và chi phí bồi thường khác. Ngoài ra, gia đình nạn nhân không còn yêu cầu đền bù, bồi thường gì thêm. Hiện tại, bị cáo Phạm Văn K và gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 44.514.000đ (Bốn mươi bốn triệu năm trăm mười bốn ngàn đồng) còn lại số tiền 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) hứa sẽ trả sau.

Đối với Phạm Văn T, sau tai nạn chỉ bị thương nhẹ nên Phạm Văn T có đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tật và không yêu cầu gì về mặt dân sự đối với Phạm Văn K.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ đã thu giữ: Xe mô tô BKS: 76K1- 083.23, nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Đỏ, số máy: JA36E0149742, số khung: RLHJA3614EY047494. Qua xác minh xác định xe mô tô nói trên là của ông Trần Đình Đ là cha đẻ của bị cáo Phạm Văn K.

Cáo trạng số 04/QĐ-VKS ngày 02 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố bị cáo Phạm Văn K về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Áp dụng: điểm a, b khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù.

Về dân sự: đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sự tự nguyện của ông Trần Đình Đ về việc tự nguyện chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền 26.000.000đồng còn lại cho gia đình người bị hại.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a, b khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 47, điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Văn K 12 tháng tù.

Bị cáo không có tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện hợp pháp cho người bị hại đề nghị buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 26.000.000đồng, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, bị cáo Phạm Văn K, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại đã chết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh theo truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Phạm Văn K Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn K đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại Phạm Văn T và phù hợp khách quan với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm xe mô tô, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 12 giờ ngày 16/10/2017, Phạm Văn K không có giấy phép lái xe theo quy định, sau khi đã uống rượu say bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 76K1-083.23 chở Phạm Văn T, Phạm Văn H ngồi sau, khi đi đến đoạn Km 54 + 400 QL 24 thuộc thôn G, xã B2, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vì trong người đã có men rượu nên không còn làm chủ tay lái dẫn đến đi trái phần đường và tông vào mố thành cầu chắn bánh và hai

trụ tiêu đường bên trái theo hướng từ xã B1 đi xã B2 gây tai nạn làm Phạm Văn H chết, Phạm Văn T bị thương.

[3] Phạm Văn K là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức pháp luật về giao thông đường bộ khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông. Tuy nhiên bị cáo vẫn cố tình vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, điều khiển xe mô tô tham gia giao thông khi không có giấy phép lái xe theo quy định và trong người có nồng độ cồn vượt quá mức độ cho phép. Hơn nữa, khi tham gia giao thông bị cáo đã không chấp hành luật giao thông đường bộ, đi đúng phần đường, làn đường quy định mà lại đi lấn sang làn đường, phần đường quy định, chở số người vượt quá quy định, hậu quả gây tai nạn làm chết một người và bị thương một người. Hành vi này của bị cáo đã vi phạm vào Điều 8 quy định các hành vi bị nghiêm cấm khi tham gia giao thông: “Điều khiển xe mô tô trong máu có nồng độ cồn vượt quá 0.25miligam/01lít khí thở” (khoản 8); “Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định” (khoản 9); khoản 1 Điều 9 quy định “Người tham gia giao thông phải đi bên phải chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định..”; khoản 1, 2 Điều 30 quy định về số lượng chở người khi điều khiển xe mô tô hai bánh; khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ quy định về điều kiện của người lái xe tham gia giao thông, gây ra hậu quả nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015. Thời điểm bị cáo phạm tội Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực, thời điểm xét xử bị cáo Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực. Hình phạt tiền quy định tại Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 nặng hơn Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, tội phạm không chỉ xâm hại trực tiếp đến an toàn giao thông, trật tự và an toàn công cộng mà còn xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của con người được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã gây mất mát và tổn thất rất lớn không chỉ đối với nạn nhân và gia đình họ mà còn gây nỗi ám ảnh đối với chính bản thân bị cáo và nhiều người dân khác chứng kiến, gây sự hoang mang, lo lắng và bất bình trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông.

Hiện nay, tình hình vi phạm Luật giao thông, tình hình tai nạn giao thông của huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và cả nước nói chung ngày càng gia tăng, đặc biệt là các vụ tai nạn giao thông có tính chất nghiêm trọng, gây hậu quả rất nặng nề, đặc biệt là các vụ tai nạn giao thông đường bộ. Nguyên nhân chủ yếu là do ý thức chấp hành luật lệ giao thông của một bộ phận quần chúng nhân dân chưa cao. Để đáp ứng yêu cầu phòng, chống loại tội phạm này, Hội đồng xét xử thấy cần nghiêm trị đối với bị cáo, phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời còn nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật đặc biệt là Luật giao thông đường bộ trong quần chúng nhân dân, để từ đó có thái độ tôn trọng pháp luật, phối hợp cùng với các cơ quan bảo vệ pháp luật đấu tranh phòng, chống và loại trừ loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội, góp phần giữ gìn trật tự an toàn công cộng, bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tài sản của người dân khi tham gia giao thông.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho thân nhân người bị hại số tiền 44.514.000đồng; người đại diện hợp pháp của người bị hại Phạm Văn H và người bị hại Phạm Văn T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: tại biên bản thỏa thuận bồi thường dân sự ngày 26/12/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, giữa bị cáo, bị đơn dân sự ông Trần Đình Đ và người đại diện cho bị hại bà Phạm Thị H đã thống nhất thỏa thuận bồi thường về dân sự với tổng số tiền là 70.514.000đồng. Xét sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp mức chi trung bình tại địa phương nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên của các bên đương sự. Đến nay bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường được số tiền 44.514.000đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 26.000.000đ

[8] Về trách nhiệm bồi thường:

Xét chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ đối với xe mô tô biển kiểm soát BKS: 76K1- 083.23 mà bị cáo điều khiển gây tai nạn là của ông Trần Đình Đ. Mặc dù bị cáo K tự ý lấy xe đi khi chưa được sự đồng ý của ông Trần Đình Đ, nhưng ông Trần Đình Đ do không tuân thủ các quy định về bảo quản, trông giữ nguồn nguy hiểm cao độ để cho bị cáo chiếm hữu, sử dụng. Do đó, theo quy định tại điểm d, khoản 2 mục

III Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét ông Trần Đình Đ cũng có lỗi nên phải liên đới cùng bị cáo K bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm cho bị hại trong tổng số tiền còn lại tiếp tục phải bồi thường 26.000.000đồng. Tại phiên Tòa ông Trần Đình Đ tự nguyện chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền 26.000.000đồng còn lại cho gia đình người bị hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông Trần Đình Đ.

[9] Đối với Phạm Văn T, sau tai nạn chỉ bị thương nhẹ nên anh T có đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tật và không yêu cầu gì về mặt dân sự đối với Phạm Văn K nên miễn xét.

[10] Đối với ông Trần Đình Đ tại thời điểm Phạm Văn K lấy xe mô tô BKS 76K1 – 083.23 điều khiển đi chơi và gây tai nạn, hậu quả làm chết một người thì ông Trần Đình Đ không có ở nhà và không được sự cho phép của ông. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ không xem xét xử lý về hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ đối với ông Trần Đình Đ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ thu giữ 01 xe mô tô BKS: 76K1- 083.23, nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Đỏ, số máy: JA36E0149742, số khung: RLHJA3614EY047494 của ông Trần Đình Đ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

[12] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phạm Văn K phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị đơn dân sự ông Trần Đình Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền mình phải bồi thường là $26.000.000 \times 5\% = 1.300.000$ đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 202; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999; Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 591 và Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông Trần Đình Đ tiếp tục bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 26.000.000đồng (*hai mươi sáu triệu đồng*). Số tiền này giao cho chị Phạm Thị H là người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại Phạm Văn H nhận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: trả cho ông Trần Đình Đ 01 xe mô tô BKS: 76K1-083.23, nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Đỏ, số máy: JA36E0149742, số khung: RLHJA3614EY047494

(vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2018)

4. Về án phí: buộc bị cáo Phạm Văn K phải chịu 200.000đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị đơn dân sự ông Trần Đình Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.300.000đồng (*một triệu ba trăm ngàn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- VKS H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
- (Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

Ngô Văn Ngoan